

Bản án số: 493/2026/HS-PT

Ngày: 01/7/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Thanh Lâm

2. Bà Lê Thị Thương Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 411/2026/TLPT-HS ngày 20/5/2026 đối với bị cáo Bùi Văn P, Dương Thanh S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 459/2026/HS-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Dương Thanh S, sinh ngày 02/7/1997 tại: tỉnh Q; Thường trú: thôn P, xã T, tỉnh Q; Tạm trú: 5 An Phú Đ, khu phố 19, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Thanh H và bà: Nguyễn Thị S; bị cáo có vợ và 02 con lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2/ Bùi Văn P, sinh năm: 1978 tại: H (nay là thành phố C); Thường trú: ấp 3, xã T, thành phố C; Cư trú: số 3 Trần Quốc T, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn P và bà: Phạm Thị S; bị cáo có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng V (gọi tắt là công ty V) ký hợp đồng lao động số 00341/2021/HĐLĐ với Dương Thanh S và hợp đồng lao động số 001185/2022/HĐLĐ-VHC với Bùi Văn P. Theo hợp đồng lao động và sự phân công của Công ty, S có trách nhiệm giám sát và quản lý trạm bê tông của Công ty (Trạm) tại địa chỉ Km7 XLHN, Khu phố 7, phường T, thành phố Thủ Đức (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, P có nhiệm vụ lái xe bồn chở bê tông đi giao cho khách.

Quy trình trộn bê tông tại Trạm như sau: Trong ngày, khi giám sát trạm thông báo trên nhóm zalo của Trạm sản xuất (gồm Trưởng trạm, giám sát trạm, nhân viên kiểm soát linh động (độ sụt), người vận hành, xe xúc) có đơn hàng yêu cầu định lượng bê tông nhất định thì các thành viên trong nhóm sẽ tiến hành thực hiện theo đơn hàng mà giám sát trạm thông báo. Tài xế xe xúc sẽ xúc nhiên liệu vào bồn trộn, người vận hành sẽ điều khiển trộn bằng hệ thống tự động, sau khi trộn xong người vận hành sẽ cho bê tông vào xe bồn (Chứa được khoảng 10 m³ bê tông), tài xế xe bồn sẽ đưa xe đến nơi kiểm tra chất lượng để nhân viên kiểm soát linh động kiểm tra bằng mắt thường, sau đó giám sát Trạm tiếp tục quản lý, điều hành cho xe đi.

Do Công ty nợ lương 02 tháng không có tiền sinh hoạt lo cho gia đình nên Dương Thanh S nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Công ty, S đã liên hệ trước với điểm sản xuất bê tông, cọc cừ trên đường T, phường T, thành phố T để bán thanh lý đối với bê tông gặp sự cố. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 28/6/2023, Dương Thanh S nhận được tin nhắn trong nhóm zalo của Trạm yêu cầu xuất 34 khối bê tông đến công trình XL05 gần khu vực vòng xoay P, thành phố T. Dương Thanh S yêu cầu anh Nguyễn Văn T (nhân viên kiểm soát linh động) cùng thực hiện việc trộn 34 khối bê tông tươi để đi giao cho khách hàng. Trong khi thực hiện việc trộn bê tông, S đã nhập vào số liệu máy tính của Công ty 34 khối bê tông, xuất đi bằng 04 xe (03 xe đầu mỗi xe chở 09 khối, xe cuối chở 07 khối). Tiếp đó, S tự mình thực hiện trộn thêm 07 khối bê tông tươi của Công ty bằng cách sử dụng phương pháp thủ công bấm các nút hơi CILINOI không qua hệ thống phần mềm máy tính của Công ty đặt tại Trạm nên không ghi nhận dữ liệu. Sau khi trộn xong 07 khối bê tông dư, S gọi điện cho tài xế xe bồn Bùi Văn P yêu cầu Phúc chạy xe vào Trạm nhận bê tông tươi đi giao cho công trình XL05. Phúc điều khiển xe ô tô biển số 51E-041.25 (Số nội bộ là 59) điều khiển vào vị trí nhận xong 07 khối bê tông tươi thì S đưa cho P 01 phiếu xuất hàng và chỉ kẹp niêm phong xe bồn nên P không có ý kiến gì. Như thường lệ, P điều khiển xe qua bộ phận do anh Nguyễn Văn T phụ trách để kiểm tra chất lượng (độ sụt của bê tông) và cho xe qua bàn cân xe đặt trong Trạm, rồi ra khỏi Trạm. Sau khi ra khỏi Trạm được khoảng 05 phút, S liên lạc với P qua điện thoại nói rõ

việc tự ý trộn thêm bê tông để bán lấy tiền tiêu sài, ban đầu P không đồng ý nhưng sau đó S năn nỉ P, S nói công ty còn nợ lương và cần tiền sinh hoạt lo cho vợ con, sau này lãnh lương sẽ báo với công ty trừ tiền trả lại cho công ty và thỏa thuận với P sau khi bán tài sản sẽ chia tiền cho P thì Phúc đồng ý. S gửi cho P số điện thoại của người mua bê tông tại điểm sản xuất bê tông cọc cừ trên đường T. P đem bê tông đến điểm giao gặp công nhân của bà Lưu Thị L giao bê tông, sau đó, bà Lưu Thị L sử dụng tài khoản ngân hàng của mình chuyển 8.500.000 đồng (Gồm 5.600.000 đồng tiền bê tông và 2.900.000 đồng P nhờ chuyển thêm) đến tài khoản của Bùi Văn P mở tại Vietinbank.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 28/6/2023, qua quá trình kiểm tra lịch trình và số liệu xuất hàng, ông Phạm Tuấn Đ là Trạm trưởng Trạm trộn bê tông phát hiện thiếu hụt khoảng 08 khối bê tông nên đã đến Công an phường trình báo sự việc.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, S và P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Kết luận định giá tài sản số 35-KV3/KLĐG-HĐĐGTS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá, tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: 07 khối bê tông tươi có giá trị 8.680.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu trắng, ốp lưng vàng đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số 0901480900 (*Thu giữ của Bùi Văn P*)

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số 0799463928 (*Thu giữ của Dương Thanh S*).

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 459/2026/HS-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 353; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Dương Thanh S và Bùi Văn P phạm tội: “*Tham ô tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Dương Thanh S: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn P: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Cấm các bị cáo Dương Thanh S, Bùi Văn P đảm nhận chức vụ quản lý, giám sát trong thời hạn 1 năm.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2026, bị cáo Dương Thanh S và Bùi Văn P kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 17/5/2026 các bị cáo Dương Thanh S và Bùi Văn P kháng cáo bổ sung xin xem xét các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo và rút yêu cầu kháng cáo xin xem xét tội danh.

Các bị cáo nộp bổ sung tình tiết đã nộp tiền khắc phục hậu quả, đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng V và đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo Dương Thanh S và Bùi Văn P phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại phiên tòa các bị cáo bổ sung thêm các tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết giảm nhẹ nào đặc biệt. Do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Dương Thanh S và Bùi Văn P đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, do công ty nợ lương 2 tháng, gia đình túng quẫn nên nhất thời nảy sinh ý định phạm tội, các bị cáo đã nộp lại số tiền 3.080.000 đồng để bồi thường cho công ty, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo để lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – TP.HCM, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Khu vực A – TP.HCM, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ năm 2023, trong thời gian Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Tuy nhiên, Luật số 86/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự quy định tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại Điều 353 có khung hình phạt nhẹ hơn tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, căn cứ theo điểm b Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2025, Tòa án cần áp dụng Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 để xét xử đối với các bị cáo Dương Thanh S và Bùi Văn P mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 28/6/2023, Dương Thanh S là quản lý, giám sát trạm trộn bê tông của công ty V đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để tự ý phối trộn thêm 07 m³ bê tông tươi của công ty V có giá trị 8.680.000 đồng để đem đi bán.

Bùi Văn P là tài xế xe bồn của công ty V. Trách nhiệm của Phúc điều khiển xe tiếp nhận bê tông và chở bê tông đến giao đúng địa điểm và thời gian theo Phiếu xuất trạm. Mặc dù khi đưa xe vào trạm trộn nhận bê tông, Phúc không biết và không hứa hẹn trước với S việc giúp S chiếm đoạt tài sản của công ty V. Tuy nhiên, sau khi biết rõ việc S tự ý xuất phiếu khống thêm 07 m³ bê tông, Phúc không chở bê tông quay lại trạm trộn và báo cho người có trách nhiệm biết để xử lý hoặc tiếp tục chở bê tông đến địa điểm giao theo Phiếu xuất trạm mà Phúc lại tiếp nhận ý chí của S, đồng ý chở bê tông đến địa điểm do S chỉ định và giúp S liên lạc bên thứ ba để bán tài sản.

Hành vi của các bị cáo Dương Thanh S và Bùi Văn P đã phạm vào tội “Tham ô tài sản”, theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, cần áp dụng khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 để xét xử đối với các bị cáo cho đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng lại pháp luật cho đúng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Dương Thanh S, Bùi Văn P cung cấp thêm tình tiết mỗi bị cáo đã nộp số tiền 3.080.000 đồng để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do các bị cáo gây ra; bị cáo Dương Thanh S có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi mẹ già có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo Bùi Văn P là lao động chính trong gia đình; Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo mới cung cấp quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự chưa được cấp sơ thẩm xem xét nên cần áp dụng thêm cho các bị cáo.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, mặc dù có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nhưng xét mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo: Xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội do bộc phát nhất thời, đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, chủ động bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra dù bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại, số tiền phạm tội không lớn (chỉ 8.680.000 đồng), hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình có mẹ già, con nhỏ, lần đầu phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự, bị hại là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xác thực văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao về Nghị quyết hướng dẫn việc áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo S, Phúc phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo hưởng án treo.

Đối với số tiền các bị cáo nộp lại để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng V không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại các bị cáo cũng đồng ý sung vào ngân sách nhà nước nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Dương Thanh S và Bùi Văn P; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 459/2026/HS-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Dương Thanh S: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo về tội “*Tham ô tài sản*”. Thời gian thử thách là 5 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Cấm bị cáo Dương Thanh S đảm nhận chức vụ quản lý, giám sát trong thời hạn 1 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo về tội “*Tham ô tài sản*”. Thời gian thử thách là 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Cấm bị cáo Bùi Văn P đảm nhận chức vụ quản lý, giám sát trong thời hạn 1 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường D, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo vi phạm nghĩa

vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Ghi nhận bị cáo Dương Thanh S đã tự nguyện nộp lại số tiền 3.080.000 (ba triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng;

Ghi nhận bị cáo Bùi Văn P đã tự nguyện nộp lại số tiền 3.080.000 (ba triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng;

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.160.000 (sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng theo các biên lai thu tiền số 0012688, 0012690 ngày 22/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND KVA – TP.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND KVA – TP.HCM; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- P. THADS KVA – TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Công an TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Cơ quan THAHS; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (26) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên